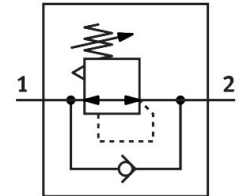


**Bộ điều áp**  
**MS6-LR-1/2-D6-A8-B**  
 Số bộ phận: 8099203

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                            |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | 6                                                                                  |
| Dòng                                                       | MS                                                                                 |
| bảo vệ hành động                                           | Núm xoay có khóa                                                                   |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                                             |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Van điều khiển áp suất không áp kế<br>Van điều khiển pít tông điều khiển trực tiếp |
| chức năng điều khiển                                       | Áp suất đầu ra không đổi<br>với hệ thống xả thứ cấp<br>Với chức năng dòng trả về   |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | G1/8 được chuẩn bị                                                                 |
| Áp suất vận hành                                           | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar                                                  |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.3 bar...7 bar                                                                    |
| Độ trễ áp suất tối đa                                      | 0.035 MPA<br>0.35 bar<br>5.075 psi                                                 |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 6000 l/ph                                                                          |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ                                    |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                           |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                                  |
| Loại phòng sạch                                            | Loại 7 theo ISO 14644-1                                                            |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -5 °C...50 °C                                                                      |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -5 °C...50 °C                                                                      |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -5 °C...50 °C                                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 479 g                                                                              |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp bằng điều khiển phía trước<br>Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:      |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1/2                                                                               |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1/2                                                                               |

| Đặc tính          | Giá trị                          |
|-------------------|----------------------------------|
| Ghi chú vật liệu  | Tuân thủ RoHS                    |
| Vật liệu bìa dưới | PA                               |
| Vật liệu cửa phốt | NBR                              |
| Vật liệu núm xoay | POM                              |
| Vật liệu lò xo    | thép hợp kim cao<br>Thép, mạ kẽm |
| Vật liệu vỏ       | PA gia cố                        |
| Vật liệu cần van  | POM                              |